

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 421/2023/HC-PT

Ngày: 16 - 6 - 2023.

V/v: Khiếu kiện Quyết định hành  
chính trong lĩnh vực đất đai thuộc  
trường hợp cấp giấy chứng nhận  
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Dương Tuấn Vinh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:***  
Ông Đoàn Văn Vâng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 92/2023/TLPT-HC ngày 21 tháng 02 năm 2023, về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2022/HC-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1331/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Sầm Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Đăng C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A đường số D, khu phố B, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản ủy quyền ngày 30/10/2020 (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ: Số B đường T, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Có đơn xin xét xử vắng mặt số 1999/UBND-TNMT, ngày 06/6/2023).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Văn M - Chuyên viên của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (có mặt). (Đại diện theo văn bản số 1999/UBND-TNMT, ngày 06/6/2023, của Ủy ban nhân dân huyện C).

*Người kháng cáo:* Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 31/10/2016, bà Sầm Thị H làm đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giấy CNQSDĐ) đối với diện tích đất 189m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 23, tại đường P, khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, để sử dụng vào mục đích làm nhà ở, thời điểm sử dụng đất năm 2003.

Ngày 07/11/2018, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C ban hành Công văn số 3198/UBND-TNMT về việc trả lời hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và trả lại đất trống cho Nhà nước quản lý với nội dung: Hồ sơ của bà H không đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ theo khoản 5 Điều 19, Điều 20 và Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (Nghị định số 43). Đồng thời, UBND huyện C yêu cầu bà H tự giác tháo dỡ, di dời tài sản, cây trồng trên đất và trả lại đất trống cho Nhà nước quản lý.

Ngày 20/11/2018, bà H làm đơn cứu xét gửi UBND huyện C. Ngày 21/3/2019, UBND huyện C ban hành Công văn số 845/UBND-TNMT trả lời đơn của bà H với nội dung: UBND huyện C không có cơ sở xem xét, giải quyết việc xin được tiếp tục sử dụng diện tích đất 189m<sup>2</sup>, theo nguyện vọng của hộ bà H, yêu cầu hộ bà H nghiêm túc thực hiện nội dung Công văn số 3198/UBND-TNMT ngày 07/11/2018.

Ngày 06/7/2020, bà H tiếp tục làm đơn kiến nghị gửi UBND huyện C, xin được cấp giấy CNQSDĐ. Ngày 07/7/2020, UBND huyện C ban hành Công văn số 2132/UBND-VP, về việc trả lời và hướng dẫn đơn của bà H, với nội dung: UBND huyện C đã ban hành Công văn số 3198 về việc trả lời hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, trả lại đất trống cho Nhà nước quản lý và Công văn số 845 về việc trả lời đơn cứu xét của bà H. UBND huyện C yêu cầu bà H nghiêm túc thực hiện hai công văn này.

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:*

Bà H là lao động phổ thông, người dân tộc Tày. Năm 2003, bà H cùng các con cất nhà tạm và ở trên đất từ đó, đến nay. Đây cũng là chỗ ở duy nhất của gia đình bà H, tại huyện C. Việc sử dụng đất của bà H tuy không có giấy tờ, nhưng bà H được nhiều người dân lâu năm xung quanh xác nhận về thời điểm và quá trình sử dụng đất.

Việc sử dụng đất của bà H phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại địa phương, quá trình sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp, không bị cơ quan nào lập

biên bản, hay ngăn chặn, và cũng chưa có quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 và điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 43. Ngoài ra, bà H là dân tộc Tày, nên còn được hưởng các chính sách về đất đai dành cho dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 2085/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng chính phủ.

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 3198, buộc UBND huyện C làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ cho bà H đối với diện tích đất 189 m<sup>2</sup>, tại đường Phạm Văn Đồng, theo quy định pháp luật.

*Ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C:*

- Căn cứ Bộ hồ sơ địa chính huyện C được thành lập năm 1998 và được cấp có thẩm quyền phê duyệt ngày 20/01/1999, thì vị trí một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 32, diện tích 189m<sup>2</sup> (theo hệ tọa độ VN-2000) vào năm 1998 đã xác định vị trí này thuộc một phần thửa đất số 31, tờ bản đồ số 31 (theo hệ tọa độ HN-72), chủ sử dụng đất bỏ trống, mục đích sử dụng đất: LN (đất lâm nghiệp).

- Về hiện trạng, mục đích sử dụng đất: Theo Biên bản số 527/BB-TNMT ngày 14/10/2016, của Phòng T, thì bà H rào xung quanh một phần đất bằng lưới cá, cột dây để trồng một số cây mồng tơi. Trên đất có 02 căn nhà tạm, 01 căn dùng để ở, 01 căn dùng để nuôi gà, vịt và để xe (vách tôn, mái tôn khung cột sắt). Phía sau căn nhà tạm để ở, bà H trồng chuối.

- Về thời điểm, quá trình và nguồn gốc sử dụng đất: Theo gia đình bà H trình bày tại Đơn xin cấp đất ngày 31/10/2016, phần đất mà bà H xin được cấp giấy do gia đình bà H tự khai phá để ở, từ năm 2003. Việc sử dụng đất của gia đình bà H là không có giấy tờ về đất, không có văn bản cho phép sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là hành vi lấn chiếm đất đai đã được pháp luật quy định.

Ngày 09/12/2016, Khu dân cư số 5 tổ chức lấy ý kiến khu dân cư xác nhận nguồn gốc sử dụng đất là đất của Nhà nước (Đất bao chiếm của Nhà nước), thời điểm sử dụng đất là năm 2005, tình trạng tranh chấp đất đai, là không tranh chấp.

Ngày 23/12/2016, Phòng T có Danh sách công khai số 1462/DSTB-TNMT, theo đó ghi nhận trường hợp bà H sử dụng đất vào mục đích để ở từ năm 2005, nguồn gốc sử dụng là do lấn, chiếm đất.

- Về quy hoạch sử dụng đất:

Căn cứ Bản đồ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu Trung tâm C2, huyện C được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 28/4/2016, về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu Trung tâm C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thì vị trí một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 23, đường P mà bà Sầm Thị H hiện đang sử dụng, được quy hoạch là đất Công cộng dịch vụ du lịch.

Đổi chiếu Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2006 - 2010 huyện C, được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 23-5-2008, thì vị trí một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 23, đường P, khu dân cư S bà H hiện đang sử dụng, được quy hoạch là đất ở.

Đổi chiếu Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015) huyện C, được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 20/3/2014, thì vị trí một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 23, đường P, khu dân cư S, bà H hiện đang sử dụng được quy hoạch, là đất thương mại dịch vụ (TMD).

Căn cứ Bản đồ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và cập nhật Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện C được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 12/3/2019, thì vị trí một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 23, đường P, khu dân cư S được quy hoạch là đất thương mại dịch vụ (TMD).

Kết luận: Bà H sử dụng đất là do lấn chiếm đất, thời điểm lấn chiếm đất là năm 2005, việc sử dụng đất hiện nay không phù hợp quy hoạch. Trường hợp của bà H không đủ điều kiện cấp giấy CNQSDĐ theo khoản 5, Điều 19; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 22 Nghị định số 43. Do vậy, UBND huyện C ban hành Công văn số 3198, là có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2022/HC-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

*“Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính;*

*Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị H:**

*Hủy Công văn số 3198/UBND-TNMT ngày 31/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C, về việc trả lời hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và trả lại đất trống cho Nhà nước quản lý.*

*Buộc Ủy ban nhân dân huyện C làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Sầm Thị H, đối với diện tích đất khoảng 189 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 23, tại đường P, khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo quy định của pháp luật. (Diện tích đất cụ thể theo đo đạc thực tế khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/7/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C kháng cáo đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện UBND huyện C giữ nguyên quan điểm và yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H, bởi vì căn cứ Phiếu lấy ý kiến dân cư ngày 09/12/2016 và Danh sách công khai số 1462/DSTB-TNMT ngày 23/12/2016, của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, thì bà H sử dụng đất từ năm 2005, căn cứ sử dụng đất là do lấn chiếm đất công, chứ không có giấy tờ về đất, không có văn bản cho phép sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ buộc UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, là không đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị H. Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện còn bỏ quan điểm cho rằng việc sử dụng của bà H là không phù hợp với quy hoạch.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Sầm Thị H giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện về việc đề nghị hủy Công văn số 3198/UBND-TNMT ngày 07/11/2018, của UBND huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đề nghị Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, bởi vì bà H sử dụng đất từ năm 2003, thời điểm gia đình bà sử dụng đất thì không ai quản lý, bà H có công khai phá, cải tạo đất, xây dựng nhà ở ổn định trên đất, không tranh chấp, không bị xử phạt vi phạm hành chính về đất đai, việc sử dụng đất phù hợp với quy hoạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà H sử dụng đất từ năm 2003; thời điểm bà H sử dụng đất, sổ mục kê thể hiện bỏ trống tên người sử dụng đất; bà H có công khai phá, cải tạo đất, xây dựng nhà ở ổn định trên đất; đất không tranh chấp; không bị xử phạt vi phạm hành chính về đất đai; việc sử dụng đất phù hợp với quy hoạch; bà H là dân tộc Tày được hưởng chính sách hỗ trợ của Chính phủ về việc ổn định đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc UBND huyện C làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng

xét xử không chấp nhận kháng cáo của UBND huyện C, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

[1.1]. Về những người tham gia tố tụng: Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án. Người khởi kiện vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; đại diện theo pháp luật của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng người bị kiện đã có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Việc vắng mặt của những người nêu trên tại phiên tòa phúc thẩm, không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người bị kiện. Do đó, căn cứ các Điều 157, 158 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[1.2]. Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C là hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị H, về việc hủy Công văn số 3198/UBND-TNMT ngày 07/11/2018, của Ủy ban nhân dân huyện C.

#### **[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của người bị kiện:**

[2.1]. Theo Hồ sơ địa chính huyện C được thành lập năm 1998, cấp có thẩm quyền phê duyệt ngày 20/01/1999, thì vị trí đất mà bà H xin cấp giấy chứng nhận thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 32, diện tích 189m<sup>2</sup> (theo hệ tọa độ VN-2000), vào năm 1998 được xác định thuộc một phần thửa đất số 31, tờ bản đồ số 31 (theo hệ tọa độ HN-72), chủ sử dụng đất bỏ trống, mục đích sử dụng đất: LN (đất lâm nghiệp), ghi chú: RTS (đất có rừng sản xuất). Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cũng trình bày và cung cấp Sổ mục kê ngày 05/11/1998 và Sổ mục kê ngày 25/12/2015, thể hiện bỏ trống mục “Tên người sử dụng và quản lý đất”.

Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ theo Phiếu lấy ý kiến khu dân cư số 5 ngày 09/12/2016 và Danh sách công khai số 1462/DSTB-TNMT ngày 23/12/2016, của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, để xác định thời điểm bà H sử dụng đất cất nhà ở là năm 2005, nguồn gốc sử dụng đất là lấn, chiếm đất Nhà nước, tình trạng tranh chấp đất đai là không tranh chấp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của 06/07 người tham gia cuộc họp lấy Phiếu ý kiến khu dân cư ngày 09/12/2016, gồm các ông (bà) Trần Hữu L, Lê Hữu H1, Trần Thị Ngọc H2, Nguyễn Văn M1, Ngô Thị Thanh N và Nguyễn Thị Bích P1 (không lấy được lời khai của bà Trương Thị Y). Riêng bà Trần Thị Ngọc H2, sinh năm 1985, mới chuyển đến sinh sống tại khu phố E từ năm 2005. Khi bà H2 chuyển đến, thì bà

H đã sinh sống ở khu phố E từ trước đó, nên việc khu phố 5 lấy ý kiến của bà H2 để xác định thời điểm sử dụng đất của bà H, là không phù hợp. Các ông (bà) L, H1, M1, N, P1 đều xác định lại thời điểm bà H sử dụng đất là năm 2003, chứ không phải năm 2005, như Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 09/12/2016 và quá trình sử dụng đất của bà H là ổn định, không tranh chấp. Bên cạnh đó, những người sống lâu năm tại địa phương gồm ông Phạm Thế C1, Lê Hồng D, Võ Ngọc T và Phan Minh B tại khu phố E, gần nhà bà H xác nhận, thời điểm bà H cất nhà trên đất là năm 2003. Hiện trạng nhà bà H từ năm 2003, đến nay, không có gì thay đổi. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/02/2022, thì trên đất có 01 căn nhà tạm diện tích khoảng 91m<sup>2</sup>, mái tole, nền xi măng được xây ở giữa thửa đất. Như vậy, nội dung phản ánh tại Phiếu ý kiến khu dân cư ngày 09/12/2016, là chưa đảm bảo đúng thực tế sử dụng đất. Việc Ủy ban nhân dân huyện C xác định thời điểm bà H sử dụng đất là từ năm 2005, dựa trên Phiếu lấy ý kiến khu dân cư, là chưa đủ cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nội dung trình bày của bà H về việc bà H sử dụng đất từ năm 2003, là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thừa nhận việc sử dụng đất của bà H là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở đã được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 23/5/2008; thời điểm bà H bắt đầu sử dụng đất, là trước khi có quy hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hiện nay, diện tích đất của bà H, Nhà nước chưa có kế hoạch sử dụng vào việc gì; pháp luật không cấm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất quy hoạch vào mục đích thương mại, dịch vụ.

Quá trình sử dụng đất của bà H, không xảy ra tranh chấp. Bà H không bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất công; chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ, quy định về chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, về việc hủy Công văn số 3198/UBND-TNMT ngày 31/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C, đồng thời buộc UBND huyện C làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, đối với diện tích đất nêu trên, theo quy định của pháp luật, là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, làm căn cứ sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị H. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Hội đồng xét xử quyết định giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

[3]. Ý kiến của người khởi kiện bà Sầm Thị H, là có căn cứ.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, là phù hợp.

[5]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí: Người bị kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2022/HC-ST ngày 26/5/2022, của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, giữa người khởi kiện là bà Sầm Thị H với người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

2.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị H:

2.3. Hủy Công văn số 3198/UBND-TNMT ngày 31/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C, về việc trả lời hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và trả lại đất trống cho Nhà nước quản lý.

2.4. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Sầm Thị H, đối với diện tích đất khoảng 189m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 23, tại đường P, khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo quy định của pháp luật (Diện tích đất cụ thể theo đo đạc thực tế khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án hành chính phúc thẩm: Buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 000346 ngày 26/7/2022, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Ủy ban nhân dân huyện C đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Thủy**

**Dương Tuấn Vinh**

**Nguyễn Thị Thúy Hòa**